

Bản án số: 12/2025/HS-PT

Ngày: 16 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Giàu**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Trung Hiếu**

Ông **Nguyễn Lê Huy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thu Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Minh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 232/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T và bị hại Lê Văn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 150/2024/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày: 01/01/1998 tại tỉnh Đồng Tháp; Số CCCD: 087198007815; Nơi thường trú: Ấp H B, xã T H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện tại: Ấp T P, xã T H, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Bích Th; Bị cáo đang chung sống như vợ chồng với Nguyễn Văn T (là bị cáo trong cùng vụ án); Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Các bị cáo bị kháng cáo:*

2. Nguyễn Văn T, Sinh ngày: 30/11/1994 tại tỉnh Tiền Giang; Số CCCD: 082294004117; Nơi cư trú: Ấp T P, xã T H, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh H và bà

Ngô Thị M; Bị cáo sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Mỹ T (là bị cáo trong cùng vụ án); Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2022.

Đặc điểm nhân thân: - Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án số 09/2014/HSST ngày 13/01/2014, chấp hành án tại Trại giam Thanh Hòa, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/4/2015, đã được xóa án tích.

- Năm 2017 bị công an xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, chưa đóng phạt.

- Năm 2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự tại bản án số 31/2019/HSST ngày 21/8/2019, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/7/2020 tại trại giam Mỹ Phước, đã được xóa án tích.

Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 27/3/2024, chuyển tạm giam từ ngày 02/4/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/3/1996 tại Tiền Giang; Số CCCD: 082096013037; Nơi cư trú: Ấp T N, xã D Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo chưa có vợ, con.

Đặc điểm nhân thân: - Năm 2014 Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự tại bản án số 08/2014/HSST ngày 24/7/2014, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015, đã đóng án phí, đã được xóa án tích.

- Năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự tại bản án số 01/2018/HS-ST ngày 12/01/2018. Bị cáo kháng cáo được xét xử tại bản án số 29/2018/HS-ST ngày 19/3/2018, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2018, đã đóng án phí, đã được xóa án tích.

Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 02/4/2024, chuyển tạm giam từ ngày 05/4/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Minh T (Tên gọi khác: L T), sinh ngày 16/9/1986 tại Tiền Giang;

Số CCCD: 082086015015; Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Ch và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có vợ: Phạm Thị Mỹ D và có 02 người con sinh năm 2010 và 2020.

Đặc điểm nhân thân: Năm 2008 Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 350.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, do thời gian đã lâu, hồ sơ bị thất lạc nên không có cơ sở tính tiền sự; Tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/3/2024, chuyển tạm giam từ ngày 04/4/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại kháng cáo: Lê Văn Đ, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn V M, xã L M, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Ngoài ra, trong vụ án có 01 người bị hại, 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/11/2023, anh Lê Văn Đ cùng anh Mai Văn L và anh Bùi Doan H đỗ xe ô tô đầu kéo nghỉ tại Cửa hàng xăng dầu “Hồng Đức 35” tại ấp Th H, xã Th P, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Khoảng 11 giờ cùng ngày, 03 người cùng đi bộ đến quán cà phê không tên cấp Quốc lộ 1, đoạn thuộc ấp Th H, xã Th P và có chọc gẹo nhân viên của quán nên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với chủ quán là bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T. Sau đó cả ba đi bộ về bãi xe của Cửa hàng xăng dầu “Hồng Đức 35”, lên xe ô tô đầu kéo đậu trong bãi xe ngủ.

Sau khi xảy ra mâu thuẫn, bị cáo T điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn T là người chung sống như vợ chồng, kêu bị cáo T đi tìm nhóm của anh Đ giải quyết mâu thuẫn. Bị cáo T từ nhà ở thị xã Cai Lậy điều khiển xe mô tô Wave S, màu xanh-đen, biển số 53B3-313.32 đến vừa đưa tại ấp T T, xã Đ H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (nơi bị cáo T làm thuê) để lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 01 mét, cán dao bằng kim loại màu đen, hình tròn, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, mũi nhọn mang theo. Tại vừa đưa bị cáo T gặp và kể lại sự việc cho các bị cáo Trần Minh T và Nguyễn Văn L nghe và rủ T, L cùng đi giải quyết mâu thuẫn thì được các bị cáo T và L đồng ý. Khi đi các bị cáo L và T vào vừa đưa mỗi người lấy theo 01 con dao tự chế dao bằng kim loại màu đen, có hình dáng giống như cây đao, mũi dao nhọn mang theo. Bị cáo T điều khiển xe, đưa con dao của bị cáo T cho bị cáo L cầm ngồi giữa, bị cáo T ngồi phía sau chở đến khu vực gần quán cà phê của bị cáo T thì gặp bị cáo T đang đứng chờ trên đường quốc lộ 1A. Sau đó bị cáo T dẫn đường cho cả nhóm cùng chạy đến Cửa hàng xăng dầu Hồng Đức 35. Bị cáo T dựng xe ở khu vực trụ bơm xăng đi bộ

vào bãi xe, các bị cáo T và L xuống xe, cầm hung khí đi bộ vào bãi xe, bị cáo T điều khiển xe chạy vào khu vực bãi xe nơi có 3 xe ô tô đầu kéo đang đậu và lấy lại con dao đã đưa bị cáo L giữ trước đó. Cả nhóm đi vòng vòng 3 xe đầu kéo tìm nhóm của anh Đ, khi phát hiện thấy anh Mai Văn L trên xe đầu kéo biển số 16N-4492 thì bị cáo L dùng dao tự chế chém bể kính chắn gió bên hong của xe, bị cáo T leo lên xe và dùng dao tự chế đâm thủng ghế ngồi bên phụ xe thì anh L mở cửa bước xuống, khi anh L vừa bước từ trên xe 16N-4492 xuống thì bị bị cáo T dùng dao tự chế chém trúng vào đầu anh L gây thương tích, anh L bỏ chạy

Nhóm của bị cáo T tiếp tục tìm kiếm thì phát hiện anh Lê Văn Đ ở trên xe đầu kéo biển số 15H-024.77 nên kêu xuống nói chuyện nhưng anh Đ không xuống. Bị cáo T cầm dao tự chế chém bể kính chắn gió phía trước của xe, bị cáo L dùng dao tự chế chém bể kính chắn gió bên hông xe thì lúc này anh Đ bước xuống xe. Bị cáo T xông vào dùng tay đánh liên tiếp nhiều cái trúng vào mặt anh Đ thì bị anh Đ chụp tay của bị cáo T lại. Thấy vậy bị cáo T xông vào dùng 02 tay ôm chặt anh Đ lại rồi cả 02 vật ngã xuống đất, lúc này bị cáo T dùng dao tự chế chém nhiều nhất trúng vào tay của anh Đ gây thương tích, bị cáo L cũng dùng dao tự chế chém anh Đ nhưng không trúng. Thấy anh Đ chảy nhiều máu nên nhóm của bị cáo T bỏ ra về, anh L và anh Đ được đưa đi bệnh viện cấp cứu và điều trị.

Anh Lê Văn Đ và Mai Văn L có đơn yêu cầu xử lý hình sự các đối tượng đã gây thương tích.

Vật chứng thu giữ và xử lý.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 419-2023/KLTTCT-TTPY ngày 29/11/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang đối với Lê Văn Đ kết luận: “Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Văn Đ là: 16% (mười sáu phần trăm), thương tích do vật sắc gây nên.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 429-2023/KLTTCT-TTPY ngày 12/12/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang đối với Mai Văn L kết luận vết thương đỉnh đầu, kích thước (5x0,3) cm: “Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Mai Văn L là: 02% (hai phần trăm), thương tích do vật sắc gây nên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 15/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành kết luận:

“1. Giá trị thiệt hại tài sản của xe ô tô đầu kéo biển số 16N-4492 là 2.450.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Giá trị thiệt hại tài sản của xe ô tô đầu kéo biển số 15H-024.77 là 5.655.000 đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng).”

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 8.105.000 đồng (tám triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng).

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm

2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Văn L và Trần Minh T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L** phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134; khoản 1 Điều 178; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm tù (Ba năm) về tội “Cố ý gây thương tích, 07 tháng tù (Bảy tháng) về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo **Nguyễn Văn T phải chấp hành là 03 năm 07 tháng tù (Ba năm bảy tháng)**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam là ngày 27 tháng 3 năm 2024.

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134; khoản 1 Điều 178; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 năm 06 tháng tù (Hai năm sáu tháng) về tội “Cố ý gây thương tích, 07 tháng tù (Bảy tháng) về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo **Nguyễn Văn L phải chấp hành là 03 năm 01 tháng tù (Ba năm một tháng)**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam là ngày 02 tháng 4 năm 2024.

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134; Điều 17; Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ T 02 năm 03 tháng tù (Hai năm ba tháng)**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134; Điều 17; Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Minh T 02 năm tù (Hai năm)**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam là ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 07 tháng 10 năm 2024, bị hại Lê Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt, tăng mức bồi thường thiệt hại đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Trần Minh T.

Ngày 07 tháng 10 năm 2024, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T giữ yêu cầu kháng cáo, bị hại Lê Văn Đ vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang giữ nguyên kháng nghị, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo T không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt, không đảm bảo điều kiện để được hưởng án treo theo quy định; tại cấp phúc thẩm các bị cáo không bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác để xem xét. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại là anh Lê Văn Đ, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết đầy đủ theo từng hành vi của các bị cáo, qua xem xét bị cáo T giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo T có hành vi đập phá hai xe nên hình phạt phải cao hơn bị cáo L; đối với yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại do anh Đ không cung cấp thêm chứng cứ nào mới nên không được xem xét, nếu có yêu cầu khởi kiện vụ kiện dân sự khác. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Văn Đ, tăng hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo L, giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo L và bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ, vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Anh Lê Văn Đ kháng cáo nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa phúc thẩm, nên xét xử vắng mặt anh Đ theo Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Trần Minh T thừa nhận hành vi phạm tội, thực hiện hành vi dùng dao tự chế gây thương tích cho anh Đ 16% và anh L là 02% mặc dù không có mâu thuẫn gì lớn, hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ và sử dụng hung khí nguy hiểm, ngoài ra bị cáo T và bị cáo L dùng dao đập phá tài sản là 02 xe ô tô thiệt hại số tiền 5.655.000 đồng và 2.45.000 đồng; truy tố và xét xử sơ thẩm theo điểm đ khoản 2 điều 134; khoản 1 Điều 178 là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[3]- Bị cáo T kháng cáo xin hưởng án treo nhưng hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ không đảm bảo điều kiện hưởng án treo. Bị hại Đ kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, tăng bồi thường: Qua tính chất hành vi của các bị cáo là xem thường pháp luật, cấp sơ thẩm xem xét hành vi của các bị cáo, áp dụng hình phạt tương xứng, cân nhắc hình phạt đối với mỗi bị cáo về tội Cố ý gây thương tích. Bị cáo T là người chủ động lôi kéo và kích động các bị cáo khác phạm tội, phải tương đồng hình phạt với bị cáo L, tuy nhiên bị cáo đang nuôi con nhỏ và có bị cáo T là người chung sống như vợ chồng với bị cáo bị áp dụng hình phạt trong vụ án nên được xem xét, không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo T.

Đối với tội Cố ý làm hư hỏng tài sản: Bị cáo T có hành vi đập phá cả 02 xe, trong khi bị cáo L đập phá 01 xe, áp dụng hình phạt 07 tháng tù như nhau là không tương xứng, cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo T đảm bảo phù hợp tính chất, hành vi của từng bị cáo.

[4]- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Đ cấp sơ thẩm đã xem xét, trong giai đoạn phúc thẩm anh Đ không có cung cấp thêm tình tiết, chứng cứ nào mới theo qui định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên không xem xét đề tăng mức bồi thường, có thể khởi kiện vụ kiện dân sự khác nếu anh Đ có yêu cầu khi có tình tiết chứng cứ mới.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn Đ về tăng hình phạt đối với bị cáo T về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]- Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận tăng hình phạt đối với bị cáo T.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Điều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]- Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Văn Đ về tăng hình phạt.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 150/2024/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Văn L và Trần Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

3. Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134; khoản 1 Điều 178; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích, 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành là 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam là ngày 27 tháng 3 năm 2024.

Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134; khoản 1 Điều 178; Điều 17; Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 năm 06 tháng tù (Hai năm sáu tháng) về tội “Cố ý gây thương tích, 07 tháng tù (Bảy tháng) về tội “Cố ý làm hư hỏng tài

sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành là 03 năm 01 tháng tù (Ba năm một tháng), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam là ngày 02 tháng 4 năm 2024.

4. Áp dụng điểm đ khoản 2 điều 134; Điều 17; Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T 02 năm 03 tháng tù (Hai năm ba tháng), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 02 năm tù (Hai năm), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam là ngày 29 tháng 3 năm 2024.

5. Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CATG;
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Võ Ngọc Giàu